

Bản án số:01/2020/TCDS-ST
Ngày: 28-4-2020
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN YÊN- TỈNH YÊN BÁI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Đỗ Thị Huê

- Bà Nguyễn Thị Mai Thu

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Đức Định – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái tham gia phiên tòa: Lương Minh Trí – kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Yên, tỉnh Yên Bái, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2019/TLST – TCDS ngày 17-12-2019 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2020/QĐXXST-TCDS ngày 14 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1967 (có mặt)

Địa chỉ: Tổ dân phố số 4, thị trấn CP, huyện TY, tỉnh Yên Bái

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1972 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn QT, xã Y, huyện TY, tỉnh Yên Bái.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 11-12-2019 và bản tự khai nguyên đơn ông Nguyễn Văn Đ trình bày:

Do có quen biết nhau từ trước và biết nhà bà Nguyễn Thị L ở thôn QT, xã Y, huyện TY có nuôi gà, lợn có nhu cầu mua thức ăn chăn nuôi, hai bên thỏa thuận miệng ông sẽ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bà L từ ngày 09-01-2017, sau 04 tháng bà L xuất gà và lợn sẽ thanh toán hết tiền nợ cũ và lấy hàng mới. Cụ thể:

Từ 09-01-2017 đến 03-6-2017 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 97.980.000đồng, bà L đã thanh toán: 50.000.000 đồng, bà L còn nợ: 47.980.000đồng

Từ ngày 14/7/2017 đến ngày 10-12-2017 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 176.370.000đ, bà L đã thanh toán: 55.400.000đồng, còn nợ: 120.970.000đồng

Từ ngày 14-12-2017 đến ngày 13-01-2018 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 51.440.000đồng, bà L đã thanh toán: 10.000.000đồng, còn nợ: 41.440.000đồng.

Từ ngày 14-01-2018 đến ngày 21-01-2018 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 13.197.000đồng.

Ngày 21-01-2018 bà L đã thanh toán cho ông Đ: 45.000.000đồng

Tổng tiền thức ăn chăn nuôi ông Đ đã bán cho bà L là: 338.987.500 đồng, bà L đã thanh toán cho ông Đ: 160.400.000 đồng. Hiện bà L còn nợ lại ông Đ tổng số tiền là: 178.587.500 đồng. Ông đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho ông số tiền 178.587.500đồng, và tính lãi kể từ ngày 21-01-2018 là 1%/năm x 178.587.500đồng cho đến khi bà L trả hết số tiền nợ gốc.

Tại bản tự khai đề ngày 20-02-2020 và trong quá trình giải quyết vụ án bà Nguyễn Thị L trình bày:

Do có quen biết nhau từ trước nên bà và ông Nguyễn Văn Đ có thỏa thuận miệng ông Đ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bà từ ngày 09-01-2017, sau khi xuất chuồng sẽ thanh toán hết tiền nợ cũ và lấy hàng mới. Đến đầu năm 2018 do dịch bệnh nên gia cầm của bà bị chết gần một nửa, ông Đ không cung cấp thức ăn chăn nuôi và yêu cầu bà thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng gia đình bà khó khăn chưa thanh toán được. Bà xác nhận chữ trong sổ nợ của ông Đ là chữ của bà, nhưng bà không nhớ chính xác số tiền còn nợ ông Đ.

Tại phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ. Buộc bà Nguyễn Thị L phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền: số tiền 178.587.500đồng và tính lãi kể từ ngày 21-01-2018 đến ngày 28-4-2020 là 1%/năm x 178.587.500đồng.

Bà Nguyễn Thị L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Trần Yên nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Bị đơn bà Nguyễn Thị L đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần nhưng bà L không có mặt và đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt.

- Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho ông Đ, bà L nhưng bà L vắng mặt (có đơn xin giải quyết vắng mặt) tại phiên tòa nên Hội đồng

xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn bà Nguyễn Thị L là phù hợp với khoản 1 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Do có quen biết từ trước ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị L có thỏa thuận miệng về việc mua bán thức ăn chăn nuôi và ông Đ đã bán thức ăn chăn nuôi cho bà L như sau:

Từ 09-01-2017 đến 03-6-2017 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 97.980.000đồng, bà L đã thanh toán: 50.000.000 đồng, bà L còn nợ: 47.980.000đồng

Từ ngày 14/7/2017 đến ngày 10-12-2017 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 176.370.000đ, bà L đã thanh toán: 55.400.000đồng, còn nợ: 120.970.000đồng

Từ ngày 14-12-2017 đến ngày 13-01-2018 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 51.440.000đồng, bà L đã thanh toán: 10.000.000đồng, còn nợ: 41.440.000đồng.

Từ ngày 14-01-2018 đến ngày 21-01-2018 tổng số tiền thức ăn chăn nuôi là: 13.197.000đồng.

Ngày 21-01-2018 bà L đã thanh toán cho ông Đ: 45.000.000đồng

Tổng tiền thức ăn chăn nuôi ông Đ đã bán cho bà L là: 338.987.500, bà L đã thanh toán cho ông Đ: 160.400.000 đồng. Hiện bà L còn nợ lại ông Đ tổng số tiền là: 178.587.500 đồng. Ông Đ yêu cầu bà L phải trả tiền gốc 178.587.500đồng và tiền lãi kể từ ngày 21-01-2018 đến ngày 28-4-2020, với mức lãi suất 1%/1 năm.

Bà Nguyễn Thị L thừa nhận từ ngày 09-01-2017 đến đầu năm 2018 bà lấy hàng thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Văn Đ hai bên có thỏa thuận miệng ông Đ cung cấp thức ăn chăn nuôi cho bà, sau khi xuất chuồng sẽ thanh toán hết tiền nợ cũ và lấy hàng mới. Đến đầu năm 2018 do dịch bệnh nên gia cầm của bà bị chết gần một nửa, ông Đ không cung cấp thức ăn chăn nuôi và yêu cầu bà thanh toán số tiền nợ còn lại nhưng gia đình bà khó khăn chưa thanh toán được. Bà xác nhận chữ trong sổ nợ của ông Đ là chữ của bà, nhưng bà không nhớ chính xác số tiền còn nợ ông Đ.

Hội đồng xét xử xét thấy: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; nhưng bà L đều không có mặt để đối chiếu công nợ cũng như xem xét việc thanh toán tiền cho ông Đ. Chứng cứ sở theo dõi ký nhận mua hàng không bị tẩy, xóa, có chữ ký của bà Nguyễn Thị L. Căn cứ vào khoản 1, khoản 2 và khoản 4 Điều 91 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 khẳng định chứng cứ mà ông Đ cung cấp là hợp lệ. Bà Nguyễn Thị L thừa nhận chữ trong sổ nợ là của mình. Vì vậy yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ là hoàn toàn có căn cứ nên cần được chấp nhận. Buộc bà Nguyễn Thị L trả số tiền hàng là: 182.678.400 đồng trong đó: tiền nợ gốc là: 178.587.500 đồng và tiền lãi từ ngày 21-01-2018 đến ngày 28-4-2020 là 27 tháng 18 ngày x 1%/năm (0,083%/tháng): $178.587.500 \times 0,083\% / \text{tháng} \times 27 \text{ tháng } 18 \text{ ngày} = 4.090.900đ.$

[3] Về án phí:

Do yêu cầu của ông Nguyễn Văn Đ được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là $182.678.400 \times 5\% = 9.133.920$ đồng. Hoàn trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[4] Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 26, Điều 35, Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Căn cứ Điều 116, Điều 117, Điều 118, Điều 119, Điều 357, Điều 430, Điều 434, Điều 436, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 273; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn Đ.

2. Buộc bà Nguyễn Thị L phải trả cho ông Nguyễn Văn Đ số tiền 182.678.400 đồng (một trăm tám mươi hai triệu sáu trăm bảy mươi tám nghìn bốn trăm đồng) trong đó: tiền nợ gốc là: 178.587.500 đồng và tiền lãi từ ngày 21-01-2018 đến ngày 28-4-2020 là 27 tháng 18 ngày $\times 1\%/năm$ ($0,083\%/tháng$): $178.587.500 \times 0,083\%/tháng \times 27$ tháng 18 ngày = 4.090.900đ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, ông Đ có đơn yêu cầu thi hành án đối với khoản tiền trên, nếu bà L chưa thi hành xong thì hàng tháng bà L phải chịu thêm khoản tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí: bà Nguyễn Thị L phải chịu 9.133.920 đồng (chín triệu một trăm ba mươi ba nghìn chín trăm hai mươi đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Ông Nguyễn Văn Đ được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí 4.551.000 đồng (bốn triệu năm trăm năm mươi một nghìn đồng) đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2013/06820 ngày 16-12-2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trấn Yên, tỉnh Yên Bái.

Án xử sơ thẩm công khai, đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Yên Bái;
- VKSND huyện Trấn Yên;
- Chi cục THADS huyện Trấn Yên;
- Các đương sự;
- Lưu HS, TA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Phượng

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hồng Phụng